

LỊCH TIÊM CHỦNG VẮC XIN TRONG CHƯƠNG TRÌNH TCMR			
Nhóm	Tuổi tiêm	Bệnh cần tiêm phòng	Vắc-xin
Trẻ em dưới 5 tuổi	Trong vòng 24h sau sinh	1. Viêm gan B	Vắc-xin ngừa VGB (HepB)
		2. Lao	BCG
	02 tháng	1. Bạch hầu	DTwP - HepB - HiB (mũi 1)
		2. Uốn ván	
		3. Ho gà	
		4. Viêm gan B	
		5. Haemophilus Influenza týp b	
		6. Bại liệt	bOPV (liều 1)
	03 tháng	1. Bạch hầu	DTwP-HepB-HiB (mũi 2)
		2. Uốn ván	
		3. Ho gà	
		4. Viêm gan B	
		5. Haemophilus Influenza týp b	
		6. Bại liệt	bOPV (liều 2)
	04 tháng	1. Bạch hầu	DTwP-HepB-HiB (mũi 3)
		2. Uốn ván	
		3. Ho gà	
		4. Viêm gan B	
		5. Haemophilus Influenza týp b	
		6. Bại liệt	bOPV (liều 3)
	05 tháng	1. Bại liệt	IPV (mũi 1)
	09 tháng	1. Sởi	Sởi (M) (mũi 1)
		2. Bại liệt	IPV (mũi 2)
	12 tháng	1. Viêm não Nhật Bản	VNNB (2 mũi cách nhau 2 tuần)
	18 tháng	1. Bạch hầu - Uốn ván - Ho gà	DTwP
		2. Sởi - Rubella	MR

LỊCH TIÊM CHỪNG VẮC XIN NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH TCMR		
Tuổi tiêm	Bệnh cần tiêm phòng	Vắc-xin
Trong vòng 24h sau sinh	1. Viêm gan B	HepB
Trong vòng 1 tháng sau sinh	1. Lao	BCG
02 tháng	1. Bạch hầu	DTaP-HepB-HiB-IPV (mũi 1)
	2. Uốn ván	
	3. Ho gà	
	4. Viêm gan B	
	5. Haemophilus Influenza týp b	
	6. Bại liệt	
	7. Tiêu chảy do vi-rút Rota	Uống Rota (lần 1)
	8. Viêm phổi, viêm màng não, viêm tai giữa, viêm mũi họng do phế cầu	PCV10/PCV13 (mũi 1)
	9. Não mô cầu nhóm huyết thanh B	Não mô cầu nhóm huyết thanh B có 4 kháng nguyên (4CMenB) (mũi 1)
03 tháng	1. Bạch hầu	DTaP-HepB-HiB-IPV (mũi 2)
	2. Uốn ván	
	3. Ho gà	
	4. Viêm gan B	
	5. Haemophilus Influenza týp b	
	6. Bại liệt	
	7. Tiêu chảy do vi-rút Rota	Uống Rota (lần 2)
	8. Viêm phổi, viêm màng não, viêm tai giữa, viêm mũi họng do phế cầu	Phế cầu (PCV-10/PCV-13) (mũi 2)
04 tháng	1. Bạch hầu	DTaP-HepB-HiB-IPV (mũi 3)
	2. Uốn ván	
	3. Ho gà	
	4. Viêm gan B	
	5. Haemophilus Influenza týp b	
	6. Bại liệt	
	7. Tiêu chảy do vi-rút Rota	Uống Rota (lần 3, tùy vắc-xin)
	8. Viêm phổi, viêm màng não, viêm tai giữa, viêm mũi họng do phế cầu	Phế cầu (PCV-10/PCV-13) (mũi 3)
	9. Não mô cầu nhóm huyết thanh B	Não mô cầu nhóm huyết thanh B có 4 kháng nguyên (4CMenB) (mũi 2)
06 tháng	1. Cúm mùa	Cúm mùa (2 mũi cơ bản cách nhau 1 tháng và nhắc lại hàng năm)
	2. Viêm màng não do não mô cầu B+C	Não mô cầu B+C (2 mũi cách nhau 6–8 tuần)
Từ 09 tháng	1. Sởi, hoặc Sởi - Quai bị - Rubella	Sởi (M) hoặc MRV
	2. Viêm màng não do não mô cầu ACWY	Não mô cầu ACWY-135 (mũi 1)
	3. Viêm não Nhật Bản	VNNB JE-CV (mũi 1 cơ bản)
	4. Thủy đậu	Thủy đậu
Từ 12 tháng	1. Viêm màng não do não mô cầu ACWY	Não mô cầu ACWY-135 (mũi 2)
	2. Viêm não Nhật Bản	VNNB bất hoạt trên tế bào Vero JEEV (2 mũi cách nhau 28 ngày)
	3. Viêm gan A	Viêm gan A đơn giá (hoặc kết hợp A, B) (mũi 1)
	4. Não mô cầu nhóm huyết thanh 4	Não mô cầu nhóm B 4CMenB (mũi 3)
	5. Thủy đậu	Thủy đậu
Từ 16–24 tháng	1. Bạch hầu	DTaP-HepB-HiB-IPV (mũi 4)
	2. Uốn ván	
	3. Ho gà	
	4. Viêm gan B	
	5. Haemophilus Influenza týp b	
	6. Bại liệt	
	7. Viêm phổi, viêm màng não, viêm tai giữa, viêm mũi họng do phế cầu	Phế cầu (PCV-10/PCV-13) (mũi 4)
	8. Viêm gan A	Viêm gan A đơn giá (hoặc kết hợp A, B) (mũi 2-nhắc lại sau 18 tháng))
Từ 24 tháng trở lên	1. Thương hàn	Thương hàn (1 mũi, nhắc lại mỗi 3 năm nếu đi vào vùng dịch)
	2. Viêm não Nhật Bản	VNNB JE-CV (1 mũi nhắc, 12–24 tháng sau mũi cơ bản)
		VNNB JVAX mũi 3
	3. Tả	Vắc-xin Tả uống - mORCVAX (2 liều uống cách nhau 14 ngày)
Từ 4–7 tuổi	1. Bạch hầu - Uốn ván - Ho gà - Bại liệt	DTap-IPV hoặc Tdap
	2. Não mô cầu nhóm huyết thanh B	Vắc-xin não mô cầu nhóm B (4CMenB)
	3. Viêm màng não do não mô cầu ACWY	Não mô cầu ACWY-135
Từ 9–15 tuổi	1. Bạch hầu - Uốn ván - Ho gà - Bại liệt	Tdap
	2. Viêm màng não do não mô cầu ACWY ở thanh thiếu niên	Não mô cầu ACWY-135 (1 mũi)
	3. Não mô cầu nhóm huyết thanh B	Não mô cầu nhóm huyết thanh B (4CMenB: 2 liều cách nhau 1 tháng)
Từ 9–26 tuổi	1. Ung thư cổ tử cung và các bệnh khác do HPV	Vắc-xin HPV
Mọi lứa tuổi	1. Dại	Vắc-xin Dại
	2. Uốn ván	Tetanus vắc-xin
	3. Cúm mùa	Tiêm hàng năm